

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hải Nam
- Ông Trần Văn Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa:

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Anh Phạm Ngọc M, sinh năm 1998 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: Thôn Q (Thôn B cũ), xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. **Bị đơn:** Chị Võ Thị Tú T, sinh năm 1999 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 và bản tự khai cùng ngày NG đơn anh Phạm Ngọc M trình bày: Anh và bị đơn chị Võ Thị Tú T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu khoảng 02 năm thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, sống không còn hợp nhau, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu

ly hôn với chị T. Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Võ Trí Ng, sinh ngày 21/3/2019, hiện đang sống chung với chị T. Nay anh yêu cầu để chị T tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/4/2024 bị đơn chị Võ Thị Tú T trình bày: Vợ chồng kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/11/2018. Quá trình chung sống 02 năm đầu sống hạnh phúc, nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, sống không còn hợp nhau, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Theo yêu cầu ly hôn của anh M thì chị đồng ý. Về con chung tên Phạm Võ Trí Ng, sinh ngày 21/3/2019, hiện đang sống chung với chị, nay chị yêu cầu để chị tiếp tục nuôi, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn cũng có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Phạm Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Tú T, có địa chỉ ấp P, xã C, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Ngọc M và chị Võ Thị Tú T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 93/2018, ngày 12/11/2018 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh M và chị T cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi

nhau, sống không còn hợp nhau, nên vợ chồng ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Hiện tại anh M và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M yêu cầu ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý nhưng nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh M và chị T có 01 con chung tên Phạm Võ Trí Ng, sinh ngày 21/3/2019, hiện đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi, anh M cũng có ý kiến đồng ý nên tiếp tục giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T là người trực tiếp nuôi, hiện tại chị T đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc M.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Phạm Ngọc M được ly hôn với chị Võ Thị Tú T.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Phạm Võ Trí Ng, sinh ngày 21/3/2019 cho chị Võ Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con và anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Phạm Ngọc M đã nộp theo biên lai thu số 0011227 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- (Giấy kết hôn số: 93, ngày 12/11/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong